

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 03-12-2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA,
TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan.

Ông Trần Văn Chánh.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thanh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1349/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 và Thông báo dời ngày xét xử ngày 16 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1966;

Nơi cư trú: 12F1 (số mới: 53 đường N6) khu phố 1, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1958.

Nơi cư trú: 12F1 (số mới: 53 đường N6) khu phố 1, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1961; Nơi cư trú: B14B khu phố 1, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Chị Nguyễn Thiện M, sinh năm 1998; Nơi cư trú: 12F1 (số mới: 53 đường N6) khu phố 1, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(Bà H, ông B, bà T, chị M có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2020, bản tự khai ngày 19/6/2020, Biên bản hoà giải ngày 07/6/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trọng B tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 13, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyền số 01 ngày 22/02/1990.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tình cảm vợ chồng không còn như xưa, quan điểm sống ngày càng khác nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã rồi không tôn trọng nhau nữa. Mặc dù bà và ông B đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với ông Nguyễn Trọng B.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 24/4/1991 và Nguyễn Thiện M, sinh ngày 23/8/1998. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà đã tạo dựng được khối tài sản bao gồm:

- Căn nhà nằm trên diện tích đất 85m² thuộc thửa 65, tờ bản đồ số 23 phường L, thành phố Biên Hòa được Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 757312601103117 ngày 29/12/2008 cho ông Nguyễn Trọng B, bà Nguyễn Thị Lệ H. Giá thẩm định là: 3.682.600.000 đồng.

- Diện tích đất 1.507.1m² thuộc thửa 721, tờ bản đồ số 9 phường L, thành phố Biên Hòa. Theo Quyết định bồi thường số 2235/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hoà là 3.878.682.000 đồng.

- Xe ô tô 05 chỗ hiệu Ford Focus, biển số 60A-172.29 được Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013513 ngày 30/12/2014 cho ông Nguyễn Trọng B. Giá thẩm định là: 200.000.000 đồng.

Bà đề nghị được nhận căn nhà có giá trị theo chứng thư là 3.682.600.000 đồng cùng số tiền 198.041.000 đồng bồi thường và giao cho ông B chiếc xe có giá trị 200.000.000 đồng và phần giá trị bồi thường 3.680.641.000 đồng.

Về nợ chung: Vợ chồng bà có nợ của bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền 1.440.000.000 đồng. Bà yêu cầu chia đôi số nợ trên, mỗi người chịu trách nhiệm trả số nợ 720.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu chia số tiền để nhận chuyển nhượng lô đất dự án thuộc dự án Khu dân cư H tại xã H, thành phố Biên Hoà do Công ty cổ phần Đồng Nai (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tân Hạnh Đồng Nai) làm chủ đầu tư đối với bất

động sản ký hiệu số lô: LK2; Ô 7, diện tích 174,62m² thì bà không đồng ý vì số tiền này bà và ông B vay của bà T, sau đó bán tài sản này đi và đã trả tiền lại cho bà T. Sau khi bán thì lời được số tiền 300.000.000 đồng ông B đã yêu cầu bà chuyển 1 nửa số tiền lời này thì bà đã thực hiện, có thể hiện bằng uỷ nhiệm chi.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất về thời gian đăng ký kết hôn, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày là đúng. Quá trình chung sống hạnh phúc đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tình cảm vợ chồng không còn như xưa, quan điểm sống ngày càng khác nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã rồi không tôn trọng nhau nữa. Mặc dù ông đã nhiều lần đề nghị bà H bỏ qua những mâu thuẫn nhưng không đạt kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay bà Nguyễn Thị Lệ H làm đơn ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 24/4/1991 và Nguyễn Thiện M, sinh ngày 23/8/1998. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông đã tạo dựng được khối tài sản bao gồm:

- Căn nhà nằm trên diện tích đất 85m² thuộc thửa 65, tờ bản đồ số 23 phường L, thành phố Biên Hòa được Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 757312601103117 ngày 29/12/2008 cho ông Nguyễn Trọng B, bà Nguyễn Thị Lệ H. Giá thẩm định là: 3.682.600.000 đồng.

- Diện tích đất 1.507.1m² thuộc thửa 721, tờ bản đồ số 9 phường L, thành phố Biên Hòa. Theo Quyết định bồi thường số 2235/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hoà là 3.878.682.000 đồng.

- Xe ô tô 05 chỗ hiệu Ford Focus, biển số 60A-172.29 được Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013513 ngày 30/12/2014 cho ông Nguyễn Trọng B. Giá thẩm định là: 200.000.000 đồng.

Bà H đề nghị được nhận căn nhà cùng số tiền 198.041.000 đồng bồi thường và giao cho ông chiếc xe có giá trị 200.000.000 đồng và phần giá trị bồi thường 3.680.641.000 đồng thì ông không đồng ý vì ông cũng có nguyện vọng được nhận nhà.

Ngoài ra ông cũng yêu cầu chia đôi là số tiền 2.490.000.000 đồng tiền chuyển nhượng lô đất dự án thuộc dự án Khu dân cư H tại xã H, thành phố Biên Hoà do Công ty cổ phần Đồng Nai (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tân Hạnh Đồng Nai) làm chủ đầu tư đối với bất động sản ký hiệu số lô: LK2; Ô 7, diện tích 174,62m². Về số tiền 150.000.000 đồng bà H chuyển cho ông là tiền chi dùng trong gia đình, khi ông cần thì bà H chuyển chứ không phải tiền lời của việc chuyển nhượng nói trên. Ngoài những tài liệu mà ông cung cấp thì ông không còn tài liệu nào khác để chứng minh số tiền này.

Về nợ chung: Vợ chồng ông có nợ của bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền 1.440.000.000 đồng. Ông cũng đồng ý chia đôi số nợ trên, mỗi người chịu trách nhiệm trả số nợ 720.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị Lệ T trình bày:*

Ngày 29/9/2014, bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Trọng B, bà Nguyễn Thị Lệ H vay số tiền 980.000.000 đồng. Nay ông B, và bà H ly hôn với nhau, đồng thời giải quyết luôn việc chia tài sản chung với nhau, nên bà yêu cầu vợ chồng ông B, bà H phải trả lại cho bà số tiền vay 980.000.000 đồng, cộng với lãi suất tạm tính đến tháng 04/2020 là 460.000.000 đồng. Tổng cộng 1.440.000.000 đồng. Bà không yêu cầu tính lãi đối với thời gian còn lại.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thiện M trình bày:*

Chị là con của ông Nguyễn Trọng B và bà Nguyễn Thị Lệ H. Hiện nay chị đã trưởng thành và đang sinh sống cùng bà H tại căn nhà 53 đường N6 khu phố 1, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Nhà này là tài sản của cha mẹ chị, bản thân chị không có đóng góp gì trong khối tài sản này nên chị cũng không có yêu cầu gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Xác định đúng tư cách đương sự.

- Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự:

Ông Nguyễn Trọng B, bà Nguyễn Thị Lệ H, bà Nguyễn Thị Lệ T, chị Nguyễn Thiện M thực hiện đúng các quy định về quyền của người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã cung cấp những tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ý kiến của mình, tham gia các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng giấy triệu tập của Tòa án, tham gia phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Đồng bà Nguyễn Thị Lệ T, chị Nguyễn Thiện M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa đúng quy định.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị ghi nhận việc đồng ý ly hôn giữa bà H và ông B.

Về con chung: Vợ chồng bà H, ông B có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 24/4/1991 và Nguyễn Thiện M, sinh ngày 23/8/1998. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung:

Căn nhà nằm trên diện tích đất 85m² thuộc thửa 65, tờ bản đồ số 23 phường L, thành phố Biên Hòa được Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp Giấy chứng

nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 757312601103117 ngày 29/12/2008 cho ông Nguyễn Trọng B, bà Nguyễn Thị Lệ H.

Diện tích đất 1.507.1m² thuộc thửa 721, tờ bản đồ số 9 phường L, thành phố Biên Hòa. Theo Quyết định bồi thường số 2235/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa.

Xe ô tô 05 chỗ hiệu Ford Focus, biển số 60A-172.29 được Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013513 ngày 30/12/2014 cho ông Nguyễn Trọng B.

Là tài sản được tạo dựng trong thời gian tồn tại hôn nhân giữa ông Nguyễn Trọng B, bà Nguyễn Thị Lệ H nên xác định đây là tài sản chung của vợ chồng.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Trọng B về chia đôi số tiền 2.490.000.000 đồng tiền chuyển nhượng lô đất dự án thuộc dự án Khu dân cư H tại xã H, thành phố Biên Hòa do Công ty cổ phần Đồng Nai (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tân Hạnh Đồng Nai) làm chủ đầu tư đối với bất động sản ký hiệu số lô: LK2; Ô 7, diện tích 174, nhưng ông B không chứng minh được nên không có căn cứ chấp nhận.

Do đó đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Lệ H về việc chia tài sản chung khi ly hôn theo tỷ lệ 50/50. Giao căn nhà nằm trên diện tích đất 85m² thuộc thửa 65, tờ bản đồ số 23 phường L, thành phố Biên Hòa được Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 757312601103117 ngày 29/12/2008 cho bà Nguyễn Thị Lệ H; giao cho ông Nguyễn Trọng B được sở hữu xe ô tô 05 chỗ hiệu Ford Focus, biển số 60A-172.29 được Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013513 ngày 30/12/2014 cùng số tiền 3.878.682.000 đồng theo quyết định bồi thường số 2235/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa. Ông Nguyễn Trọng B có trách nhiệm thanh toán số tiền chênh lệch 198.041.000 đồng bồi thường cho bà Nguyễn Thị Lệ H.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Lệ T về việc yêu cầu ông Nguyễn Trọng B, bà Nguyễn Thị Lệ H thanh toán số tiền 1.440.000.000 đồng. Chia phần mỗi người có trách nhiệm trả số tiền 720.000.000 đồng.

Buộc ông ông Nguyễn Trọng B, bà Nguyễn Thị Lệ H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Lệ H khởi kiện yêu cầu giải quyết việc “Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn” với ông Nguyễn Trọng B. Đồng thời ông B, bà H đều cư trú tại 12F1 (số mới: 53 đường N6) khu phố 1, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng

Nai do đó xác định thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về tư cách đương sự trong vụ án:

Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tư cách đương sự trong vụ án được xác định như sau: Bà Nguyễn Thị Lệ H là người khởi kiện nên xác định là nguyên đơn; ông Nguyễn Trọng B là người bị kiện nên xác định là bị đơn; bà Nguyễn Thị Lệ T cho bà H, ông B vay tiền có yêu cầu độc lập nên xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập; chị Nguyễn Thiện M là người sinh sống trên nhà 12F1 (số mới: 53 đường N6) khu phố 1, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Nguyễn Trọng B tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 13, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyền số 01 ngày 22/02/1990 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến những năm gần đây thì hai vợ chồng ông B, bà H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tình cảm vợ chồng không còn như xưa, quan điểm sống ngày càng khác nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã rồi không tôn trọng nhau nữa. Mặc dù bà H và ông B đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trọng B cũng được ông B đồng ý. Do đó Hội đồng ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Nguyễn Trọng B.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng bà H, ông B có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 24/4/1991 và Nguyễn Thiện M, sinh ngày 23/8/1998. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung:

Bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Nguyễn Trọng B đều thừa nhận tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bao gồm:

Căn nhà nằm trên diện tích đất 85m² thuộc thửa 65, tờ bản đồ số 23 phường L, thành phố Biên Hòa được Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 757312601103117 ngày 29/12/2008 cho ông Nguyễn Trọng B, bà Nguyễn Thị Lệ H. Giá thẩm định là: 3.682.600.000 đồng.

Diện tích đất 1.507.1m² thuộc thửa 721, tờ bản đồ số 9 phường L, thành phố Biên Hòa. Theo Quyết định bồi thường số 2235/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa là 3.878.682.000 đồng.

Xe ô tô 05 chỗ hiệu Ford Focus, biển số 60A-172.29 được Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013513 ngày 30/12/2014 cho ông Nguyễn Trọng B. Giá thẩm định là: 200.000.000 đồng được tạo dựng trong thời gian tồn tại hôn nhân giữa ông Nguyễn Trọng B, bà Nguyễn Thị Lệ H nên xác định đây là tài sản chung của vợ chồng và bà Nguyễn Thị Lệ H yêu cầu chia là hoàn toàn có cơ sở.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Trọng B về việc chia đôi là số tiền 2.490.000.000 đồng tiền chuyển nhượng lô đất dự án thuộc dự án Khu dân cư H tại xã H, thành phố Biên Hoà do Công ty cổ phần Đồng Nai (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tân Hạnh Đồng Nai) làm chủ đầu tư đối với bất động sản ký hiệu số lô: LK2; Ô 7, diện tích 174,62m². Thì phần đất này cả ông B, bà H đều xác nhận việc chuyển nhượng đã xong vào năm 2018. Ông B không chứng minh được hiện nay vợ chồng ông đang sở hữu số tiền này cũng như cung cấp được thêm bất cứ tài liệu gì để chứng minh. Trong khi bà H không thừa nhận việc vợ chồng bà có số tiền trên mà do vay mượn để mua, sau khi bán xong đã sử dụng để trả nợ. Số tiền chênh lệch (lời) sau khi trả nợ, bà H và ông B đã sử dụng đi du lịch và bà H đã chuyển số tiền 150.000.000 đồng là ½ số tiền còn dư cho ông B. Do đó, không có cơ sở để xem xét yêu cầu này của ông B.

[2.4] Về giá trị tài sản:

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 16/2021/TĐG-CT ngày 08/03/2021 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Minh Phát xác định:

Căn nhà nằm trên diện tích đất 85m² thuộc thửa 65, tờ bản đồ số 23 phường L, thành phố Biên Hòa được Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 757312601103117 ngày 29/12/2008 cho ông Nguyễn Trọng B, bà Nguyễn Thị Lệ H. Giá thẩm định là: 3.682.600.000 đồng.

Xe ô tô 05 chỗ hiệu Ford Focus, biển số 60A-172.29 được Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013513 ngày 30/12/2014 cho ông Nguyễn Trọng B. Giá thẩm định là: 200.000.000 đồng.

Diện tích đất 1.507.1m² thuộc thửa 721, tờ bản đồ số 9 phường L, thành phố Biên Hòa. Theo Quyết định bồi thường số 2235/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hoà là 3.878.682.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung là: 7.761.282.000đ (Bảy tỷ bảy trăm sáu mươi một triệu hai trăm tám mươi hai ngàn đồng).

Việc lựa chọn Công ty thẩm định giá và giá trị tài sản thẩm định, ông B và bà H cũng biết, nhận chứng thư và không có ý kiến phản đối. Do đó cần lấy giá theo Chứng thư thẩm định giá số 16/2021/TĐG-CT ngày 08/03/2021 để làm cơ sở giải quyết.

[2.5] Xét về nguyện vọng của các bên:

Cả ông Nguyễn Trọng B và bà Nguyễn Thị Lệ H đều có nguyện vọng được nhận tài sản là căn nhà nằm trên diện tích đất 85m² thuộc thửa 65, tờ bản đồ số 23 phường L, thành phố Biên Hòa và giao phần tài sản còn lại cho người kia đồng thời sẽ thanh toán phần giá trị chênh lệch.

Xét thấy bà Nguyễn Thị Lệ H là phụ nữ, đã sinh sống ổn định trên căn nhà từ trước đến nay và bà H cũng không còn nơi nào khác để sinh sống nên cần giao căn nhà nằm trên diện tích đất 85m² thuộc thửa 65, tờ bản đồ số 23 phường L được Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 757312601103117 ngày 29/12/2008 cho bà Nguyễn Thị Lệ H sở hữu và giao các tài sản còn lại là xe ô tô, số tiền bồi thường 3.878.682.000 đồng cho ông B, đồng thời ông B có trách nhiệm thanh toán phần giá trị chênh lệch cho bà H là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Lê T về việc yêu cầu ông Nguyễn Trọng B và bà Nguyễn Thị Lệ H có trách nhiệm trả nợ số tiền 1.440.000.000 đồng, chia đều mỗi người trả số tiền 720.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu này, bà H và ông B đều thừa nhận có vay tiền của bà T và đồng ý thanh toán cho bà T số tiền 1.440.000.000 đồng, chia đều mỗi người có trách nhiệm trả 720.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

[4] Từ những nhận định ở trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình xác định tổng tài sản chung của ông Nguyễn Trọng B và bà Nguyễn Thị Lệ H là: 7.761.282.000đ (Bảy tỷ bảy trăm sáu mươi một triệu hai trăm tám mươi hai ngàn đồng) và mỗi bên được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 3.880.641.000 đồng.

Do bà H nhận căn nhà thuộc thửa 65, tờ bản đồ số 23 phường L có giá trị là 3.682.600.000 đồng do đó cần buộc ông B thanh toán phần còn thiếu là 198.041.000 đồng cho bà H.

Như vậy, giá trị phần tài sản còn lại của ông B, bà H mỗi người được nhận sau khi trừ số tiền nợ phải thanh toán cho bà T là 3.160.641.000 đồng (Ba tỷ một trăm sáu mươi triệu sáu trăm bốn mươi một ngàn đồng).

[5] Về chi phí tố tụng: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về chia tài sản chung nên nguyên đơn và bị đơn cùng chịu chi phí tố tụng là 42.232.386 đồng. Nguyên đơn đã nộp số tiền này nên buộc bị đơn phải thanh toán lại cho nguyên đơn $\frac{1}{2}$ số tiền là 21.116.193 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí trên giá trị tài sản được chia và nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Biên Hòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 104; 147; khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 29; Điều 33; Điều 59 và Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lệ H được ly hôn với ông Nguyễn Trọng B.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng bà Nguyễn Thị Lệ H, ông Nguyễn Trọng B có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 24/4/1991 và Nguyễn Thiện M, sinh ngày 23/8/1998. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản:

- Giao cho bà Nguyễn Thị Lệ H được quyền sở hữu căn nhà nằm trên diện tích đất 85m² thuộc thửa 65, tờ bản đồ số 23 phường L, thành phố Biên Hòa được Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 757312601103117 ngày 29/12/2008 cho ông Nguyễn Trọng B, bà Nguyễn Thị Lệ H. Theo Bản đồ hiện trạng khu đất số 540/2021 ngày 27/01/2021 và bản vẽ hiện trạng nhà ngày 27/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Biên Hòa.

Giao cho ông Nguyễn Trọng B được quyền sở hữu xe ô tô 05 chỗ hiệu Ford Focus, biển số 60A-172.29 được Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013513 ngày 30/12/2014 cho ông Nguyễn Trọng B và số tiền 3.878.682.000 đồng theo Quyết định bồi thường số 2235/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa. Ông B được liên hệ với Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa để nhận số tiền bồi thường trên.

Ông Nguyễn Trọng B có trách nhiệm thanh toán phần giá trị chênh lệch 198.041.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Lệ H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Lệ T đối với ông Nguyễn Trọng B, bà Nguyễn Thị Lệ H.

Buộc ông Nguyễn Trọng B và bà Nguyễn Thị Lệ H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền 1.440.000.000 đồng, chia đều mỗi người có trách nhiệm trả 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Lệ H đã nộp 42.232.386 đồng chi phí tố tụng, do đó buộc ông Nguyễn Trọng B phải thanh toán lại cho bà H số tiền là 21.116.193 đồng (Hai mươi một triệu một trăm mười sáu ngàn một trăm chín mươi bà đồng).

6. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Lệ H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, 95.212.820đ (Chín mươi lăm triệu hai trăm mười hai ngàn tám trăm hai mươi đồng) án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản được chia và 32.800.000 đồng (Ba mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng) án phí dân sự đối với nghĩa vụ trả nợ, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009317 và 39.500.000đ (Ba mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009316 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Nguyễn Thị Lệ H còn phải nộp 88.512.820đ (Tám mươi tám triệu năm trăm mười hai ngàn tám trăm hai mươi đồng).

Ông Nguyễn Trọng B phải chịu 95.212.820đ (Chín mươi lăm triệu hai trăm mười hai ngàn tám trăm hai mươi đồng) án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản được chia và 32.800.000đ (Ba mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng) án phí dân sự đối với nghĩa vụ trả nợ.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền 27.600.000đ (Hai mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001596 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa

7. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Lệ H, ông Nguyễn Trọng B, bà Nguyễn Thị Lệ T, chị Nguyễn Thiện M được quyền kháng cáo bản án trong hạn hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Dương sự (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh (01);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa (01);
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa (01);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Trần Anh Đức
(Đã ký)**